

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 283/2017/DS-PT
Ngày: 16-11-2017
V/v tranh chấp “Quyền
sử dụng đất và bồi thường
thiệt hại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

Bà **Trần Thị Kim Em**

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Lê Thị Thắm Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2017/TLPT DS ngày 02 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp “Quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2017/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 268/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1937;

Địa chỉ: ấp Khu P, xã Hòa K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Bà **Lê Thị Ngọc N**, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Khu P, xã Hòa K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N: bà Phan Thị H - Luật sư – văn phòng luật sư Nguyễn Văn T – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

*** Bị đơn:**

1. **Lê Ngọc N**, sinh năm 1960;

2. **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1960;

Đại diện ủy quyền của ông N: bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1960. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Hòa P, xã Hòa K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Lê Hồng H**, sinh năm 1983;

2. **Lê Hồng N**, sinh năm 1981; (có mặt)

3. **Lê Hồng N**, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hồng H: bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1960. Cùng địa chỉ: ấp Hòa P, xã Hòa K, huyện C tỉnh Tiền Giang (có mặt)

4. **Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn M**– Chức vụ: Chi cục trưởng.

Địa chỉ trụ sở: Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: anh **Trương Phi H**. Chức vụ: Chấp hành viên (có mặt)

Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Ngọc N trình bày:

Vào khoảng năm 1975 bà N có mua phần đất ruộng diện tích 2.000m² bà còn có 02 thửa đất khác trong đó có một thửa liền kề phần đất mua tại ấp Hòa P, xã Hòa K, huyện C. Năm 1991 bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 368 diện tích 1.514m², thửa số 25a diện tích 2.000 m² và thửa số 17 diện tích 2.000 m². Đến năm 1998 Nhà nước lập lại hồ sơ địa chính mới và nhập 2 thửa 25a và 17 thành thửa 182 tổng diện tích là 3.916m² do bà N đứng tên quyền sử dụng đất.

Năm 1998 bà N cắt cho con ruột tên Lê Văn C phần đất diện tích 682m² (thửa số 3090, cấp ngày 12/02/2004), phần còn lại do bà N đứng tên quyền sử dụng đất. Năm 2008 Nhà nước nâng cấp lộ C do đó đường nước cấp mé lộ của bà đã bị lấp không còn sử dụng được. Khi đó ông C có mở tiệm sửa xe đạp nằm trên phần đường nước 0,5m trên phần đất của bà giáp mặt lộ phần diện tích còn lại bà đã chia thửa đất 25a diện tích 2.000m² và 17 diện tích 2.000m² cho các con với tổng diện tích là 3.784m² phần diện tích còn lại là

186m². Như vậy phần đất lối đi tranh chấp là nằm trong chủ quyền đất cũ của bà Nchura chia cho ai và chưa tách thửa.

Ngày 15/02/2015 gia đình ông Lê Ngọc N và bà Nguyễn Thị Hồng T tiến hành phá toàn bộ trụ xi măng, phần tol rào và chặt cây (gồm 4 trụ xi măng, 02 tấm tol, 8 cây lâu năm). Đồng thời cắm trụ hàng rào lưới B40 trên toàn bộ diện tích đất của tôi, xây tường rào chiếm dụng phần đất ngang 1,1m dài 75,5m, tổng diện tích 83,05m² tọa lạc ấp Hòa P, xã Hòa K, huyện C.

Nay bà N yêu cầu bà T, ông N liên đới phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 và trụ xi măng trên phần đất 83,05m² trả lại phần đất lấn chiếm 83,05m² có chiều ngang 1,1 chiều dài 75,5m cho bà N. Yêu cầu bà T và ông N bồi thường thiệt hại tài sản do tháo dỡ Ki ốt sửa xe của ông C (do bà N xây dựng) và bồi thường chặt phá tài sản gồm 4 trụ xi măng loại 2m x 10cm, 02 tấm tol cũ loại 1m x 4m, 03 cây mận An Phước 12 năm tuổi, 01 cây dừa 10 năm tuổi 04 cây bạch đàn 12 năm tuổi, với tổng số tiền là 2.000.000 đồng.

****Bị đơn ông Lê Ngọc N và bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:***

Vào năm 2014 ông, bà có làm đơn khởi kiện hộ ông Lê Văn C con của bà N về việc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về quyền sử dụng đất và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự. Vụ án được giải quyết tại bản án số 118/2014/DS-ST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện C. Quyết định của bản án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà. Buộc Lê Văn C và các thành viên trong hộ anh C phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc ông Lê Ngọc N và bà Nguyễn Thị Hồng T thực hiện quyền sử dụng phần đất lối đi và đường nước mà ông N, bà T đã canh tác từ năm 1995 đến nay, có diện tích ngang 1,1m x dài 75,5m, đồng thời tháo dỡ hoặc đập bỏ hoặc di dời phần nhà ngang 1,1m x dài 4,05m có kết cấu cột bê tông, vách tường, mái tol, nền xi măng và mái che gắn liền với phần nhà ngang 1,1m x dài 2,6m có kết cấu cột kèo thép, không vách, mái tol, nền xi măng (nằm trên diện tích ngang 1,1m x dài 75,5m của lối đi và đường nước) cất nằm đầu ngoài giáp huyện lộ C, tọa lạc ấp Hòa P, xã Hòa K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà N ông, bà không đồng ý vì bà N đã chuyển nhượng phần đất cho ông C (con bà N) xong, bà N không có phần đất nào tại vị trí đất tranh chấp là 83,05m² tại ấp Hòa P, xã Hòa K, huyện C. Đối với phần bồi thường thiệt hại tài sản trị giá 2.000.000 đồng ông, bà không đồng ý vì đó là việc của thi hành án dân sự huyện C tổ chức cưỡng chế thi hành bản án số 118/2014/DS-ST ngày 23/7/2014. Yêu cầu trả lại đơn khởi

kiện cho bà N vì quan hệ này đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật và do bị cưỡng chế theo quy định.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hồng N trình bày:***

Gia đình bà N khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình anh là không có cơ sở, gia đình anh không có liên quan gì đến đất đai của bà N. Việc bồi thường thiệt hại tài sản do Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C thi hành bản án số 118/2014/DS-ST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện C đã có hiệu lực pháp luật. Đề nghị trả lại đơn khởi kiện cho bà N.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hồng H trình bày:***

Về phần đất tranh chấp 83,05 m² là dùng làm đường đi riêng của gia đình anh vì được xác định từ lúc gia đình anh đổi đất với ông T, bà T. Hiện nay phần đất của gia đình anh chỉ giáp ranh với đất của ông Lê Văn C (con bà N), bà N không có liên quan. Đối với khoản tiền bồi thường 2.000.000 đồng là không đúng vì do Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C thi hành bản án số 118/2014/DS-ST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện C đã có hiệu lực pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện C trình bày:*** Chi cục Thi hành án dân sự huyện C chỉ thi hành theo bản án số 118/2014/DS-ST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện C, do ông C không tự nguyện thi hành nên ngày 02/02/2015 chấp hành viên tiến hành cưỡng chế, quá trình tổ chức cưỡng chế cơ quan thi hành án không làm hư hại hay chặt phá cây trồng gì trong lúc cưỡng chế.

Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2017/DS-ST ngày 05-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ các Điều 166, 170 và 203 Luật Đất đai; khoản 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 228, Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N phần tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo qui định pháp luật.

*Ngày 10-7-2017, bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa hôm nay bà N đại diện do bà N ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: cho rằng bà N có phần diện tích đất ở hai thửa 25a và 17 với tổng diện tích là 4.000m², đã được cấp giấy đất bìa trắng năm 1991. Sau khi cho đất các con và chuyển nhượng người khác thì bà N còn phần diện tích đất ngang 1,1m; dài 75,5m (là phần đất đang tranh chấp với bà T, ông N) và hiện tại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ) mà phần diện tích đất tranh chấp này còn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1991 (bìa trắng). Do đó yêu cầu khởi kiện của bà N đòi quyền sử dụng phần diện tích đất nêu trên là có căn cứ. Phần tài sản trên đất là của bà N nhưng khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện C cưỡng chế thi hành bản án số 118 đã không báo cho bà N biết nên bà N có khiếu nại, nay bà N yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại số tài sản trên với số tiền là 2.000.000 đồng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các chứng cứ nêu trên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng qui định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị gì. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà N là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, nghe đương sự trình bày thêm tại phiên tòa phúc thẩm, qua tranh luận và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Xét đơn kháng cáo của bà N yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là buộc bà T, ông N đối phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 và trụ xi măng trên phần đất 83,05 m², trả lại phần đất lấn chiếm 83,05 m² có chiều ngang 1,1m, chiều dài 75,5m cho bà N. Yêu cầu bà T và ông N đối bồi thường thiệt hại tài sản do tháo dỡ Ki-ốt sửa xe của ông C (do bà N xây dựng) và bồi thường chặt phá tài sản gồm 4 trụ xi măng loại 2m x 10cm, 02 tấm tol cũ loại 1m x 4m, 03 cây mận An Phước 12 năm tuổi, 01 cây

dừa 10 năm tuổi, 04 cây bạch đàn 12 năm tuổi với tổng số tiền là 2.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định:

Trước đây bà N có hai thửa đất gồm: thửa 25a diện tích 2.000 m² thửa 17 diện tích 2.000m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/5/1991 (bút lục 01 và 134). Năm 1999, hai thửa đất này được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành một thửa số 182 diện tích 3.916 m², cấp ngày 02/01/1999, giấy số 1938 QSDĐ/097019 (bút lục 254 và 255). Năm 2004 đến năm 2006 bà N tách phần đất này ra cho nhiều người con của bà và chuyển nhượng cho người khác, phần còn lại bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01649 ngày 25/01/2007 ở thửa 3341 diện tích 660 m² (bút lục 203), đến năm 2013 bà được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 329 diện tích 734,4 m², giấy số CH 04626 cấp ngày 20/9/2013. Phần đất thửa 329 diện tích 734,4 m² vị trí tứ cận theo công văn số 786/CV-VPĐKQSDĐ ngày 01/9/2016 và trích lục bản đồ địa chính ngày 15/8/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - chi nhánh huyện C có vị trí khác với phần đất đường đi mà bà tranh chấp trong vụ án này.

Chị N là đại diện ủy quyền của bà N trình bày phần đất tranh chấp còn nằm ở giấy trắng cấp vào năm 1991, đến nay chưa được cấp giấy lại. Xét thấy, sau khi cho đất các con và chuyển nhượng cho người khác, bà N đã tách giấy đất hết cho các con bà, phần còn lại bà đã được cấp giấy lại ở thửa 3341 đến năm 2013 được cấp giấy lại ở thửa 329. Đồng thời sau khi được cấp giấy phần đất còn lại đến nay bà cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Tại phiên tòa hôm nay, bà N đại diện theo ủy quyền của bà N cũng không có chứng cứ gì chứng minh bà N còn lại phần đất chưa được cấp giấy nằm ở vị trí phần đất các bên đang tranh chấp theo lời bà trình bày.

Đối với phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 76,7 m², có vị trí tứ cận hướng Bắc giáp với phần đất bà N đã cho anh Lê Văn C (con bà N) đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này giữa ông Lê Ngọc N và bà Nguyễn Thị Hồng T đã có tranh chấp với anh Lê Văn C (con bà N) và đã được giải quyết tại bản án số 118/2014/DS ST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện C, bản án trên đã có hiệu lực pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà N đòi quyền sử dụng đất nêu trên là không có cơ sở, hơn nữa do phần diện tích đất trên đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp

luật nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà N là phù hợp qui định tại điểm g khoản 1 Điều 217 và điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi bản án số 118/2014/DS-ST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện C có hiệu lực pháp luật, do phía anh C không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tổ chức cưỡng chế vào ngày 02/02/2015 để thi hành án theo quyết định bản án số 118/2014/DS-ST ngày 23/7/2014 trên phần đất (đang tranh chấp) ngang 1,1m dài 75,5m. Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị N đại diện do bà N ủy quyền, bà T và đại diện ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là anh H đều thống nhất: Khi tổ chức cưỡng chế thi hành án phía bà T, ông N đồng ý thuê nhân công thực hiện công việc tháo dỡ di dời có sự giám sát của đoàn cưỡng chế và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, có lập biên bản cưỡng chế đề ngày 02/02/2015. Ông N, bà T không có phá bỏ tài sản gì của bà N. Chị N cũng thừa nhận khi tổ chức cưỡng chế thi hành án dân công có đồn, chặt mé tàn cây de qua lối đi tranh chấp đang cưỡng chế thi hành án, có mặt chị đứng chụp ảnh nhưng chị không ý kiến gì đối với đoàn cưỡng chế hoặc chính quyền địa phương. Bà N cho rằng ngày Chi cục Thi hành án dân sự huyện C cưỡng chế thi hành án bản án số 118 nêu trên đã chặt phá số cây trồng như bà đã khai, tuy nhiên Bà không có chứng cứ gì khác để chứng minh bà T, ông N làm thiệt hại số tài sản như bà đã trình bày. Hơn nữa sự việc này không được phía bà T, ông N và đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thừa nhận. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc đòi ông N bà T bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền là 2.000.000 đồng.

Từ các cơ sở nhận định trên yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Ý kiến đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trái với phần nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 78/2017/DS-ST ngày 05-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền là 2.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) theo các biên lai số 03575 ngày 07/5/2015 và số 07158 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên bà N đã nộp xong.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 16/11/2017, có mặt bà Nguyễn, bà T và anh Nhuận.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND Tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy

